TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2018/HS-PT
Ngày: 20 – 3 – 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga

Các Thẩm phán: 1/- Ông Võ Hoàng Anh.

2/- Ông Nguyễn Văn Ngọt.

- Thư ký phiên tòa: Cao Thị Mỹ Nhiên- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Thúy Ngà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 02/2018/TLPT-HS, ngày 18/01/2018 đối với bị cáo Huỳnh Thị B và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị B, Nguyễn Thị Thanh T, Trầm Thị T1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 24/2017/HSST ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Huỳnh Thị B**, sinh năm: 1950; Trú tại: ấp AN, xã AT3, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: không biết chữ; con ông Huỳnh Văn B1 (chết) và bà Lâm Thị C (chết); Chồng: Trần Văn B2, đã chết; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1974; Anh chị em ruột: 07 người, lớn nhất sinh năm 1941, nhỏ nhất sinh năm 1959; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị B: Ông Hoàng Văn Quyết. Địa chỉ: Số 25/28 Lý Tự Trọng, phường 2, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 1978; Trú tại: ấp AN, xã AT3, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 5/12; con ông Nguyễn Văn B3 (sống) và bà Tăng Thị Thanh P (chết); Chồng: Hồ Minh T2; Con: 02 người lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2002; Anh chị em ruột: 04 người, lớn nhất sinh năm

1962, nhỏ nhất là bị cáo; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T: Ông Lưu Trí Dũng. Địa chỉ: Số 363 Lê Hồng Phong, khóm 5, phường 3, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Họ và tên: **Trầm Thị T1**, sinh năm: 1979; Trú tại: ấp AN, xã AT3, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Mua bán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 5/12; con ông Trầm Văn T3 (chết) và bà Hứa Thị D (sống); Chồng: Nguyễn Thanh T4; Con: 04 người lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 1999; Anh chị em ruột: 06 người, lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất sinh năm 1982; Tiền án: Không; Tiền sự: 01, cụ thể là vào ngày 12/4/2016 bị Công an huyện CLDxử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã nộp phạt vào ngày 22/4/2016); Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn các bị cáo khác nhưng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập gồm các bị cáo: Nguyễn Thị H, Lâm Văn Đ, Trần Hoàng N, Bùi Phước V, Nguyễn Thị P1, Văn Hoàng K, Huỳnh Thị H1, Trần Văn Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối tháng 9/2016, Huỳnh Thị B dùng căn phòng trong nhà của mình ở ấp AN, xã AT3, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng để cho những người đánh bạc ăn thua bằng tiền nhằm thu lấy tiền xâu để tiêu xài cá nhân. Để thực hiện ý định trên Huỳnh Thị B mua các bộ bài tây để sẵng trong nhà và để thuận lợi trong việc thu tiền xâu Huỳnh Thị B sử dụng các các lá bài tây đã qua sử dụng xếp thành hình vuông, khi những người tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền đánh một ván bài thì Huỳnh Thị B xếp thành một hình vuông và cứ 05 hình vuông thì Huỳnh Thị B lấy tiền xâu 20.000 đồng.

Do biết được nhà của Huỳnh Thị B có tổ chức đánh bạc nên vào sáng 11/10/2016 thì Huỳnh Thị H1, Trầm Thị T1, Nguyễn Thị P1, Nguyễn Thị Thanh T, Văn Hoàng K, Lê Văn V1, Trần Hoàng N, Trần Văn Tr, Nguyễn Thị H, Lâm Văn Đ và Bùi Phước V đem theo tiền từ nhà đi đến nhà của Huỳnh Thị B để đánh bài binh Ấn Độ để ăn thua bằng tiền. Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân nên vào khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CLDkiểm tra bắt quả tang Huỳnh Thị B tổ chức đánh bạc ăn thua bằng tiền và bắt quả tang Huỳnh Thị H1, Trầm Thị T1, Nguyễn Thị P1, Nguyễn Thị Thanh T, Văn Hoàng K, Lê Văn V1, Trần Hoàng N, Trần Văn Tr, Nguyễn Thị H, Lâm Văn Đ và Bùi Phước V đang đánh bạc ăn thua bằng tiền nên cơ quan cảnh sát điều tra Công

an huyện CLDthu giữ tiền trên chiếu bạc với số tiền Việt Nam đồng là: 4.870.000 đồng, tiền dùng để đánh bạc trên người của những người tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền Việt Nam đồng là 4.898.000 đồng và 10 bộ bài tây đã qua sử dụng và 09 lá bài tây được xếp thành hình vuông.

Vật chứng trong vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CLDđã thu giữ số tiền Việt Nam đồng là 4.870.000 đồng, thu tiền dùng đánh bạc trên người của Nguyễn Thị Thanh T 4.352.000 đồng, Huỳnh Thị H1 320.000 đồng, Bùi Phước V 117.000 đồng, Lê Văn V1 54.000 đồng, Nguyễn Thị P1 40.000 đồng, Văn Hoàng K 15.000 đồng, đồng thời thu giữ 10 bộ bài tây đã qua sử sung và 09 lá bài tây được xếp thành hình vuông.

Tại Bản án sơ thẩm số: 24/2017/HSST ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng, quyết định:

Tuyên bố:

+ Bị cáo Huỳnh Thị B phạm tội "Tổ chức đánh bạc".

+ Các bị cáo Huỳnh Thị H1, Trầm Thị T1, Nguyễn Thị P1, Nguyễn Thị Thanh T, Văn Hoàng K, Trần Hoàng N, Trần Văn Tr, Nguyễn Thị H, Lâm Văn Đ và Bùi Phước V phạm tội "Đánh bạc".

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 33, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Huỳnh Thị B. Xử phạt Huỳnh Thị B 01 (Một) năm tù thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án, xử phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), xử buộc bị cáo B nộp lại số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) từ việc thu lợi bất chính do tổ chức đánh bạc.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 20, Điều 33, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T. Xử phạt Nguyễn Thị Thanh T 03 (Ba) tháng tù thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 20, Điều 33, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trầm Thị T1. Xử phạt Trầm Thị T1 03 (Ba) tháng tù thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 20, Điều 33, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lâm Văn Đ. Xử phạt Lâm Văn Đ 03 (Ba) tháng tù thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/10/2017.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 20, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Nguyễn Thị H (Trang). Xử phạt Nguyễn Thị H (Trang) 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01

(Một) năm kể từ ngày 16/11/2017. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị H (Trang) số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 20, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Trần Hoàng N. Xử phạt Trần Hoàng N 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày 16/11/2017. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Hoàng N số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 20, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Bùi Phước V. Xử phạt Bùi Phước V 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày 16/11/2017. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Phước V số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 20, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Nguyễn Thị P1. Xử phạt Nguyễn Thị P1 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày 16/11/2017. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị P1 số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 20, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Văn Hoàng K. Xử phạt Văn Hoàng K 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày 16/11/2017. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Văn Hoàng K số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 20, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Huỳnh Thị H1. Xử phạt Huỳnh Thị H1 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày 16/11/2017. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Huỳnh Thị H1 số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 20, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Trần Văn Tr. Xử phạt Trần Văn Tr 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày 16/11/2017. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn Tr số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Ngoài ra án tuyên về xử lý vật chứng, phần án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo như sau:

Ngày 27/11/2017 bị cáo Huỳnh Thị B kháng cáo xin hưởng án treo hoặc cho bị cáo xin không áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền và xin giảm mức phạt tiền;

Ngày 30/11/2017, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo xin hưởng án treo và yêu cầu trả lại số tiền mà Công an thu giữ trên người bị cáo;

Ngày 28/11/2017 bị cáo Trầm Thị T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa các bị cáo Huỳnh Thị B, Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo Trầm Thị T1 rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị B, Trầm Thị T1 và giữ nguyên quyết định về hình phạt của cấp sơ thẩm. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt, chuyển từ hình phạt tù giam sang hình phạt tù treo đối bị cáo T.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị B trình bày: Tổng số tiền thu tại chiếu bạc 2.030.000đ vì trong đó có 2.000.000đ của ông D1 nhưng ông D1 không có mặt trong quá trình Tòa án giải quyết, số tiền thu tại chiếu bạc không đến 5 triệu đồng, nên không thể xử lý bị cáo B tội Tổ chức đánh bạc. Ngoài ra bị cáo là người già (bị cáo trên 60 tuổi), có bệnh thường xuyên, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo phạt tiền là hình phạt chính.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 41 đối với các bị cáo, các bị cáo không phạm tội tổ chức đánh bạc, đánh bạc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự để giải quyết vụ án theo hướng hủy án sơ thẩm và đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các Luật sư và các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Xét về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Đơn kháng cáo của các bị cáo được nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện CLDvào các ngày 27/11/2017, 30/11/2017, 28/11/2017 là phù hợp quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của các bị cáo được coi là

hợp lệ. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo và xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Huỳnh Thị B, Nguyễn Thị Thanh T, Trầm Thị T1 thừa nhận hành vi phạm tội như sau:

Vào sáng ngày 11/10/2016 tại nhà của bà Huỳnh Thị B có tổ chức đánh bài ăn thua bằng tiền nên Huỳnh Thị H1, Trầm Thị T1, Nguyễn Thị P1, Nguyễn Thị Thanh T, Văn Hoàng K, Lê Văn V1, Trần Hoàng N, Trần Văn Tr, Nguyễn Thị H, Lâm Văn Đ và Bùi Phước V đến tham gia đánh bạc, khi nhận được tin báo thì cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CLD đến bắt quả tang thu giữ tiền trên chiếu bạc với số tiền Việt Nam đồng là: 4.870.000 đồng, tiền dùng để đánh bạc trên người của những người tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền Việt Nam đồng là 4.898.000 đồng. Tổng cộng số tiền 9.768.000đ

Xét thấy, lời thừa nhận về hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong cùng vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Huỳnh Thị B về tội "Tổ chức đánh bạc" theo Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Trầm Thị T1 về tội "Đánh bạc" theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan cho các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị B:

[3.1.1] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Huỳnh Thị B:

Xét thấy, khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thành thẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại Điểm p Khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên là chính xác và phù hợp quy định pháp luật. Bị cáo B kháng cáo xin hưởng án treo với các lý do bị cáo là bị cáo là người già, sức khỏe kém, không gây nguy hiểm cho xã hội. Xét thấy bị cáo phạm tội có tổ chức nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo điểm a khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2013/NQ- HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do vậy, kháng cáo hưởng án treo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1.2] Xét kháng cáo xin áp dụng hình phạt tiền thay cho hình phạt tù của bị cáo Bạch thì thấy rằng:

Với mục đích muốn thu lợi bất chính bị cáo đã tổ chức đánh bạc thu tiền với nhiều người cùng tham gia đánh bạc, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tiềm ẩn nguy cơ gây mất an ninh trật tự ở địa phương, do đó việc áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là cần thiết nhằm góp phần răn đe, phòng ngừa tội phạm

chung cho toàn xã hội, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin áp dụng hình phạt tiền thay cho hình phạt tù của bị cáo.

[3.1.3] Đối với việc bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm áp dụng cùng lúc 02 hình phạt chính là vừa phạt tù và vừa phạt tiền đối với bị cáo, xét thấy:

Kháng cáo này của bị cáo là không có căn cứ vì cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt chính đối với bị cáo là phạt tù, còn hình phạt tiền là hình phạt áp dụng bổ sung đối với bị cáo, theo quy định pháp luật thì hình phạt tiền có thể là hình phạt chính, có thể áp dụng là hình phạt bổ sung nhưng trong trường hợp của bị cáo thì phạt tiền là hình phạt bổ sung chứ không phải hình phạt chính.

[3.1.4] Xét kháng cáo xin giảm mức phạt tiền của bị cáo B. Xét thấy, theo quy định tại Khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"* theo đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bổ sung bị cáo số tiền là 10.000.000đ là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo cho rằng mức thu lợi bất chính không lớn nhưng xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thừa nhận đã tổ chức đánh bạc trong khoảng thời gian 01 tháng, hành vi bị cáo ảnh hưởng đến an ninh trật tự địa phương nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm tiền phạt của bị cáo.

[3.2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T:

[3.2.1] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T

Xét thấy, khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự theo quy định tại Điểm p, h Khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo 03 tháng tù là tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thì xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và bị cáo bị xử phạt 03 tháng tù về tội ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, theo đó căn cứ theo quy định tại mục 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ- HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 60 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong vụ án này đang là vụ án dư luận địa phương quan tâm, bị cáo là người có số tiền dùng vào mục đích đánh bạc cao hơn các bị cáo khác, đồng thời tình hình loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự địa phương, nên việc áp dụng hình phạt tù giam để răn đe và trấn áp loại tội phạm này là cần thiết, các lý do mà bị cáo đưa ra như là phải nuôi dưỡng cha bệnh, con còn nhỏ không phải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định pháp luật và các lý do này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo và đề nghị của Kiểm sát viên.

[3.2.2] Xét kháng cáo yêu cầu trả lại số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo T. Xét thấy,

Tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung (bút lục 284; 285- 286; 288-289; 290; 293) bị cáo khai: Mục đích bị cáo sử dụng số tiền 4.352.000đ để tham gia đánh bài ăn thua bằng tiền.

"Tôi dự định đóng tiền hụi 3.000.000đ cho Hg, nhưng khi không gặp Hg thì tôi sử dụng toàn bộ số tiền trên 4.000.000đ mà tôi mang theo vào việc đánh bài, tôi hy vọng đánh thắng để dư ra một số tiền thì tôi đóng hụi, để lại tiền cho con và chi phí đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê" (bút lục 607).

Từ cơ sở trên có căn cứ xác định số tiền 4.352.000đ bị cáo T sử dụng cho mục đích đánh bạc, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung quỹ đối với số tiền 4.352.000đ là có căn cứ chấp nhận. Kháng cáo của bị cáo T yêu cầu được trả lại số tiền 4.352.000đ là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.3] Xét kháng cáo của bị cáo Trầm Thị T1:

[3.3.1] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trầm Thị T1:

Tại tòa bị cáo xin rút nội dung kháng cáo này, căn cứ vào Điều 348 và điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trầm Thị T1.

[3.3.2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trầm Thị T1:

Xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc nhưng bị cáo không ăn năn, hối cải mà tiếp tục phạm tội đánh bạc. Như vậy, đối với bị cáo đã không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối Cao hướng dẫn áp dụng quy định về án treo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin hưởng án treo.

[4] Đối với vấn đề các luật sư bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị B, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đặt ra về số tiền thu trên chiếu bạc: nhận thấy, căn cứ vào biên bản hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra có căn cứ xác định số tiền đánh bạc thu trong vụ án này tổng cộng là 9.768.000đ bao gồm tiền thu trên chiếu bạc và tiền thu trên người các con bạc và những người này thừa nhận số tiền đó dùng vào việc đánh bạc. Theo quy định tại Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa, đổi bổ sung năm 2017 thì số tiền đánh bạc, tổ chức đánh bạc trong vụ án này trên 5.000.000đ, do vậy đủ định lượng để xử lý hình sự đối với các bị cáo. Do vậy, vấn đề của các Luật sư đặt ra không xử lý hình sự đối với bị cáo Bạch, bị cáo Thủy là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Huỳnh Thị B, Nguyễn Thị Thanh T, Trầm Thị T1 mỗi bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trầm Thị T1.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị B, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trầm Thị T1.

Giữ nguyên án sơ thẩm.

[2] Tuyên xử:

[2.1]- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 33, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Huỳnh Thị B.

Xử phạt Huỳnh Thị B 01 (Một) năm tù, về tội "Tổ chức đánh bạc". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án, xử phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), xử buộc bị cáo B nộp lại số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) từ việc thu lợi bất chính do tổ chức đánh bạc.

[2.2]- Áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 20, Điều 33, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

Xử phạt Nguyễn Thị Thanh T 03 (Ba) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[2.3]- Áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 20, Điều 33, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trầm Thị T1.

Xử phạt Trầm Thị T1 03 (Ba) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Huỳnh Thị B, Nguyễn Thị Thanh T, Trầm Thị T1 mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

[4] Các quyết định khác bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND huyện CLD(2 bản);
- VKSND huyện CLD;
- Công an huyện CLD;
- Chi cục THADS huyện CLD;

- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- PKTNV-THA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- *Lưu hs, THS;*

Tăng Thị Thúy Nga